

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 57/2019/HN-ST

Ngày: 11/6/2019

“V/v *Xin ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Trần Văn Tám**;

- Ông **Lê Văn Tám**;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Tăng Thị Điền** – cán bộ Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị Xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/QĐST-HNST Ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Trần Thị T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** **Võ Văn B**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị T có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

Chị và anh B tự nguyện chung sống nhau từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ khi sống chung với nhau hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh B không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên gây gỗ nhau, anh B thường đánh đập chị, nên chị và anh B đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Chị cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm để chăm sóc con nhưng mâu thuẫn ngày trầm trọng không thể kéo dài được, mục đích

hôn nhân không đạt. Nay thấy tình cảm không còn, không thể sống chung được nên chị xin ly hôn với Bá.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Diễm M, sinh ngày 21/9/2007 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Võ Văn B vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của Chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh B tự nguyện sống chung với nhau năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai Chị T yêu cầu xin ly hôn với anh B do anh B không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên đánh chị, kiếm chuyện gây gổ với chị và chị với anh B đã ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Tòa án nhiều lần mời anh B đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh B không đến. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa Chị T, anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, Chị T, anh B chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa Chị T, anh B là vợ chồng phù hợp với Điều 9, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Diễm M, sinh ngày 21/9/2007 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- **Về tình cảm:** Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị T và anh Võ Văn B là vợ chồng.

- **Về con chung:** Giao cho Chị T tiếp tục nuôi cháu Trần Thị Diễm M, sinh ngày 21/9/2007 hiện đang sống với Chị T. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về án phí:

Chị Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số 0002168 ngày 04/3/2019. Như vậy xem như Chị T đã nộp xong án phí.

Chị T và anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.c. THADS TX Cai Lậy ;
- Đường sự (để thi hành);
- UBND Mỹ Phước Tây, TX Cai Lậy;.
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hòa Hợp

